

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH
TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

TT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên văn bản quy định thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/công nhận
1	Phê duyệt chương trình phát triển đô thị	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15). - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị (sau đây gọi chung là Nghị định số 35/2026/NĐ-CP).	Phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.	Phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Công nhận đô thị loại II, loại III	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.	Phát triển đô thị	Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Công nhận trình độ phát triển đô thị	- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. - Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.	Phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Phê duyệt chương trình phát triển đô thị

1.1. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Sở Xây dựng lập báo cáo đề xuất xây dựng chương trình phát triển đô thị, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Sở Xây dựng trực tiếp xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng chương trình phát triển đô thị và lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các phường được xác định là đô thị hoặc các xã dự kiến thành đô thị và các cơ quan liên quan khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng hoàn thiện chương trình và gửi hồ sơ chương trình phát triển đô thị đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị bao gồm: (i) Tờ trình của Sở Xây dựng; (ii) Dự thảo chương trình phát triển đô thị; (iii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình phát triển đô thị gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; (ii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Tối đa 30 ngày làm việc (không tính thời gian xây dựng dự thảo chương trình phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh họp thông qua chương trình phát triển đô thị).

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ: Sở Xây dựng.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC nội bộ: Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC nội bộ: Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề cương xây dựng chương trình phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 02 của Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Việc xây dựng chương trình phát triển đô thị phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, kế hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển vùng kinh tế, quy hoạch sử dụng đất có liên quan đến phát triển đô thị và khả năng huy động nguồn lực thực tế tại địa phương;

- Đáp ứng các yêu cầu về phát triển đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

2. Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị

2.1. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc trường hợp phường được xác định là đô thị hoặc xã dự kiến thành đô thị theo chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt lập báo cáo đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển đô thị đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch phát triển đô thị và gửi lấy ý kiến của các sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân

cấp xã.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện kế hoạch phát triển đô thị và trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, thông qua kế hoạch phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua kế hoạch phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị; trường hợp không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2.2. *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

2.3. *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua kế hoạch phát triển đô thị bao gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Dự thảo kế hoạch phát triển đô thị; (iii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị bao gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Dự thảo kế hoạch phát triển đô thị; (iii) Bảng tổng hợp kết quả giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (iv) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua kế hoạch phát triển đô thị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. *Thời hạn giải quyết:* Tối đa 42 ngày làm việc (không tính thời gian xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp xã họp thông qua kế hoạch phát triển đô thị).

2.5. *Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ:* Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.6. *Cơ quan giải quyết TTHC nội bộ:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. *Kết quả thực hiện TTHC nội bộ:* Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị theo Mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

2.8. *Phí, lệ phí:* Không quy định.

2.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Kế hoạch phát triển đô thị theo đề cương quy định tại Mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 04

của Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Kế hoạch phát triển đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn được lập cho địa phương, phù hợp với chương trình phát triển đô thị, các kế hoạch chuyên ngành khác có liên quan đến phát triển đô thị trên địa bàn và khả năng huy động nguồn lực thực tế tại địa phương.

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.
- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

3. Công nhận đô thị loại II, loại III

3.1. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị trong trường hợp công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới trong 01 đơn vị hành chính cấp xã đó; trường hợp thuê đơn vị tư vấn lập đề án thì thực hiện theo pháp luật về đấu thầu.

- Đơn vị lập đề án tổ chức khảo sát, lập đề án và báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị. Trường hợp đơn vị lập đề án không phải là Sở Xây dựng thì sau khi hoàn thành dự thảo thuyết minh đề án, đơn vị lập đề án gửi lấy ý kiến của Sở Xây dựng về dự thảo thuyết minh đề án; trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản góp ý. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, đơn vị lập đề án phải hoàn thiện dự thảo thuyết minh đề án.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thuyết minh đề án đã được hoàn thiện, Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát hồ sơ; nếu hồ sơ đủ điều kiện thì gửi hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định đề án.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Hội đồng thẩm định liên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận đô thị loại II hoặc loại III.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề án gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức thẩm định bao gồm:
(i) Tờ trình của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh; (ii) Đề án công nhận loại đô thị bao gồm thuyết minh đề án theo đề cương quy định tại Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP và video minh họa thực trạng phát triển của đô thị; (iii) Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực thực hiện phân loại đô thị theo đề cương quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐCP (áp dụng trong trường hợp có nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị).

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; (ii) Thuyết minh đề án đã được hoàn thiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Tối đa 69 ngày làm việc (không tính thời gian lập đề án, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh họp thông qua đề án).

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ: Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC nội bộ: Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC nội bộ: Quyết định công nhận đô thị loại II hoặc loại III theo Mẫu số 04 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề án công nhận đô thị loại II hoặc loại III theo đề cương quy định tại Mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành quy định tại Mẫu số 07 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định công nhận đô thị loại II, loại III quy định tại Mẫu số 04 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

4. Công nhận trình độ phát triển đô thị

4.1. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị trong phạm vi ranh giới địa bàn quản lý và gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Xây dựng về dự thảo báo cáo.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng phải gửi văn bản góp ý về Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện báo cáo và trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện báo cáo và có Tờ trình kèm theo dự thảo báo cáo gửi Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị.

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận trình độ phát triển đô thị.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã, gửi Sở Xây dựng bao gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Dự thảo báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

- Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị theo đề cương quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP (iii) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị; (iv) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành; (v) Bảng tổng hợp điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định liên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Tối đa 73 ngày làm việc (không tính thời gian lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp xã họp thông qua báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị).

4.5. *Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ*: Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.6. *Cơ quan giải quyết TTHC nội bộ*: Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.7. *Kết quả thực hiện TTHC nội bộ*: Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

4.8. *Phí, lệ phí*: Không quy định.

4.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Đề cương báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành quy định tại Mẫu số 07 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

- Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị quy định tại Mẫu số 06 của Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

4.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*: Không quy định.

4.11. *Căn cứ pháp lý*:

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.